

Số: 333 /BC-CTN

Trà Vinh, ngày 06 tháng 7 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD QUÝ II/2022**  
**VÀ DỰ THẢO KẾ HOẠCH SXKD QUÝ III/2022**

**PHẦN MỘT**

**Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh quý II/2022**

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CTN ngày 27/01/2022 về các nội dung được thông qua tại Hội nghị đại biểu Người lao động Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh năm 2022;

Ban Tổng giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II/2022 như sau:

**1. Đánh giá kết quả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh quý II/2022:**

\* *Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, cụ thể:*

(Kèm theo Phụ lục 1)

- Sản lượng nước sản xuất 4.198.043 m<sup>3</sup>, đạt 105.5 % KH quý II/2022; tăng 10.5 % so với cùng kỳ 2021; **đạt 27.6 % so với KH năm.**

- Sản lượng nước tiêu thụ 3.441.831 m<sup>3</sup>, đạt 100.6 % KH quý II/2022; tăng 4.4% so với cùng kỳ 2021; **đạt 26.3 % so với KH năm.**

- Tỷ lệ hao hụt toàn Công ty là **18.0 %**, **tăng 3.8 % so với KH năm**; tăng 4.8 % so với cùng kỳ 2021.

- Phát triển khách hàng 752 hộ, đạt 93.0 % KH quý II/2022 ; 84.3 % so với cùng kỳ 2021 ; **đạt 24.3 % so với KH năm.**

- Tổng doanh thu, thu nhập khác ước thực hiện 29,491 tỷ đồng, đạt 101.7% KH quý II/2022; tăng 3.3 % so với cùng kỳ 2021; đạt 26.0 % so với KH năm.

- Tổng chi phí ước thực hiện 30,972 tỷ đồng, đạt 105.4% KH quý; tăng 40.5% so với cùng kỳ.

Trong đó:

+ Chi phí sản xuất nước ngầm: 23,455 tỷ đồng (105.5% KH quý); 106.4% so với cùng kỳ.

+ Chi phí mua nước mặt: 7,517 tỷ đồng (tăng 5.1% so với KH quý do kế hoạch tiếp nhận nước từ 2 nhà máy nước mặt giảm còn 8.000m<sup>3</sup>/ngđ, nhưng hệ thống mạng khu vực Long Đức nước yếu nên sản lượng mua nước mặt của BOO hơn 9.000m<sup>3</sup>/ngđ).

- Lợi nhuận trước thuế ước thực hiện : -1.481 triệu đồng /- 401 triệu đồng KH quý II.

- Thu nhập người lao động giảm do NLĐ hưởng lương cơ bản, giảm tiền ăn ca.

\* *Đánh giá:*

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 đã bình thường hóa, phần lớn người dân đã tiêm ngừa nên hoạt động, SXKD, dịch vụ của của người dân, hoạt động các khu



công nghiệp trở lại bình thường. Các chỉ tiêu sản lượng nước sản xuất, tiêu thụ đạt so với hoạch. Tổng doanh thu tăng 1.7 % , doanh thu nước máy, xây lắp tăng.

- Tỷ lệ hao hụt quý II tăng cao, nhất là nhà máy nước thành phố Trà Vinh (19.6%). Hệ thống SCADA, đồng hồ khu vực, đồng hồ tổng lâu năm đã hư hỏng, không còn kiểm soát được áp lực mạng. Chậm phát hiện ống bể.

- Lợi nhuận trước thuế là -1.481 triệu đồng.

## **2. Kết quả đầu tư xây dựng phát triển sản xuất: (Kèm theo Phụ lục 2)**

- Đầu tư lắp đặt thiết bị phát hiện và xử lý Clo rò rỉ tại Nhà kho chứa Clo, NM nước TP Trà Vinh (đã chuyển ứng tiền 40% giá trị hợp đồng, chuẩn bị thi công).

- Đầu tư phát triển mạng lưới phân phối: Đã thi công 4.360 mét ống các loại, đường kính từ D63 – D110 (05/28 tuyến, đạt 15.2 % khối lượng mét ống), với tổng giá trị dự toán là 1.505 triệu đồng (đạt 12.7 % giá trị dự toán quý).

## **3. Quản trị doanh nghiệp:**

- Theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch SXKD và có những chỉ đạo kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

- Quản lý tài chính, thu, chi hợp lý, tiết kiệm; tranh thủ quyết toán chi phí quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh.

- Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, nhiệm kỳ 2022-2026 (29/6/2022).

- Lãnh, chỉ đạo thực hiện các hoạt động theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp: Quyết toán tài chính năm quý I; Tiếp tục xây dựng phương án cải cách tiền lương nhằm hướng tới công bằng lương cho người lao động; tiếp tục trình xin phê duyệt tăng giá nước máy để đảm bảo hoạt động SXKD của doanh nghiệp; Thực hiện các thủ tục xin cấp phép khai thác nước dưới đất, gia hạn khai thác giếng; Cung cấp hồ sơ cho Kiểm toán Nhà nước,...

## **4. Về tổ chức, nhân sự:**

Sắp xếp tổ chức, lao động cho phù hợp với yêu cầu công việc. Tuyển thêm lao động các vị trí công việc còn thiếu; hồ sơ thủ tục bổ nhiệm mới trưởng phòng KHKT, bổ nhiệm lại chức vụ giám đốc chi nhánh Xây lắp-dịch vụ.

## **5. Về cải cách hành chính:**

Hoàn thiện các ứng dụng phần mềm về quản lý khách hàng, ghi thu tiền nước. Xây dựng phần mềm nhân sự cho nhân viên trên thiết bị di động; Nâng cấp website Công ty; Chỉnh sửa trang tra cứu hoá đơn điện tử theo thông tư 78,....

## **6. Các mặt còn hạn chế, tồn tại và nguyên nhân:**

- Việc mua nước sạch từ hai nhà máy nước mặt, giải quyết được khó khăn thiếu hụt nguồn nước các tháng mùa khô đối với khu vực thành phố Trà Vinh. Tuy nhiên làm tăng chi phí mua nước đầu vào.

- Việc trình xin tăng giá nước máy vẫn chưa được duyệt nên tình hình tài chính Công ty vẫn còn rất khó khăn.

Công ty vẫn tiếp tục cắt giảm chi phí, giảm cải tạo sửa chữa, giảm mua sắm trang thiết bị chưa thật sự cấp thiết, chưa chi khám sức khỏe định kỳ, giảm chi trang phục NLD, giảm tiền ăn giữa ca,....

- Cửa hàng mua bán vật tư vẫn chưa đi hoạt động. Chưa có doanh thu từ cửa hàng.



**PHẦN HAI**  
**Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II/2022**

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh đã được phê duyệt;

Ban Tổng giám đốc Công ty ban hành kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II/2022 của Công ty như sau:

**1/ Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:**

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	KH Quý III/2022	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2022	9 tháng So KH năm (%)
<b>1</b>	<b>Nước sản xuất</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>15,231,837</b>	<b>8,174,260</b>	<b>4,158,381</b>	<b>12,332,641</b>	<b>81.0</b>
	NMN TP Trà Vinh	m <sup>3</sup>	11,043,897	5,952,793	3,098,000	9,050,793	82.0
	+ SX nước ngầm	m <sup>3</sup>	3,743,897	2,765,209	1,350,000	4,115,209	109.9
	+ Mua nước mặt	m <sup>3</sup>	7,300,000	3,187,584	1,748,000	4,935,584	67.6
	Châu Thành	m <sup>3</sup>	709,440	381,695	183,220	564,915	79.6
	Mỹ Chánh	m <sup>3</sup>	127,138	111,241	54,000	165,241	130.0
	NMN Cầu Ngang-ML	m <sup>3</sup>	918,365	478,720	232,103	710,823	77.4
	NMN Thị trấn Trà Cú	m <sup>3</sup>	553,127	302,240	141,348	443,588	80.2
	NMN Duyên Hải	m <sup>3</sup>	656,730	296,384	147,650	444,034	67.6
	NMN Tiểu Cần-CQ	m <sup>3</sup>	861,442	469,920	215,360	685,280	79.6
	NMN Thị trấn Cầu Kè	m <sup>3</sup>	361,698	181,267	86,700	267,967	74.1
<b>2</b>	<b>Nước tiêu thụ</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>13,074,205</b>	<b>6,847,146</b>	<b>3,342,279</b>	<b>10,189,425</b>	<b>77.9</b>
	NMN TP Trà Vinh	m <sup>3</sup>	9,497,752	4,930,898	2,432,100	7,362,998	77.5
	Châu Thành	m <sup>3</sup>	603,024	335,968	157,500	493,468	81.8
	Mỹ Chánh	m <sup>3</sup>	95,354	91,060	45,000	136,060	142.7
	NMN Cầu Ngang-ML	m <sup>3</sup>	808,161	427,236	203,226	630,462	78.0
	NMN Thị trấn Trà Cú	m <sup>3</sup>	475,689	257,028	121,590	378,618	79.6
	NMN Duyên Hải	m <sup>3</sup>	545,086	253,834	123,961	377,795	69.3
	NMN Tiểu Cần-CQ	m <sup>3</sup>	723,611	387,918	180,902	568,820	78.6
	NMN Thị trấn Cầu Kè	m <sup>3</sup>	325,528	163,204	78,000	241,204	74.1
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ hao hụt</b>	<b>%</b>	<b>14.2</b>	<b>16.2</b>	<b>19.6</b>	<b>17.4</b>	<b>3.2</b>
	NMN TP Trà Vinh	%	14.0	17.2	21.5	18.6	4.6
	NMN Châu Thành	%	15.0	12.0	14.0	12.6	(2.4)
	NMN Mỹ Chánh	%	25.0	18.1	16.7	17.7	(7.3)
	NMN Cầu Ngang-ML	%	12.0	10.8	12.4	11.3	(0.7)
	NMN Thị trấn Trà Cú	%	14.0	15.0	14.0	14.6	0.6



	NMN Duyên Hải	%	17.0	14.4	16.0	14.9	(2.1)
	NMN Tiêu Cần-CQ	%	16.0	17.5	16.0	17.0	1.0
	NMN Thị trấn Cầu Kè	%	10.0	10.0	10.0	10.0	(0.0)
<b>4</b>	<b>Tổng doanh thu và TN khác</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>113,391</b>	<b>56,595</b>	<b>31,819</b>	<b>88,414</b>	<b>78.0</b>
<b>4.1</b>	<b>Nước máy</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>101,391</b>	<b>53,498</b>	<b>29,369</b>	<b>82,867</b>	<b>81.7</b>
	TP Trà Vinh+CTH+MC	"	79,990	42,509	22,845	65,353	81.7
	NMN Cầu Ngang-ML	"	5,905	3,077	1,859	4,936	83.6
	NMN Thị trấn Trà Cú	"	3,553	1,926	1,123	3,050	85.8
	NMN Duyên Hải	"	4,230	1,946	1,154	3,100	73.3
	NMN Tiêu Cần-CQ	"	5,295	2,848	1,663	4,511	85.2
	NMN Thị trấn Cầu Kè	"	2,418	1,192	725	1,917	79.3
<b>4.2</b>	<b>Xây lắp</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1,000</b>	<b>892</b>	<b>250</b>	<b>1,142</b>	<b>114.2</b>
<b>4.3</b>	<b>DT thoát nước</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>6,000</b>	<b>1,808</b>	<b>1,800</b>	<b>3,608</b>	<b>60.1</b>
<b>4.4</b>	<b>DT cửa hàng mua bán vật tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>3,500</b>	<b>-</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	<b>0.0</b>
<b>4.5</b>	<b>Doanh thu +TN Khác</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1,500</b>	<b>397</b>	<b>200</b>	<b>597</b>	<b>39.8</b>
<b>5</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>133,885</b>	<b>58,491</b>	<b>30,826</b>	<b>89,317</b>	<b>66.7</b>
	Chi phí hoạt động nước ngầm	"	98,111	42,898	22,256	65,154	66.4
	Chi phí mua nước mặt	"	35,774	15,593	8,570	24,163	67.5
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Triệu</b>	<b>-20,494</b>	<b>-1,896</b>	<b>993</b>	<b>-903</b>	<b>-</b>
<b>7</b>	<b>Phát triển khách hàng</b>	<b>Hộ</b>	<b>3,090</b>	<b>1,526</b>	<b>730</b>	<b>2,256</b>	<b>73.0</b>
	NMN TP Trà Vinh	Hộ	2,000	767	480	1,247	62.4
	Châu Thành	Hộ	150	156	30	186	124.0
	Mỹ Chánh	Hộ	230	148	60	208	90.4
	NMN Cầu Ngang-ML	Hộ	150	116	50	166	110.7
	NMN Thị trấn Trà Cú	Hộ	150	143	60	203	135.3
	NMN Duyên Hải	Hộ	200	69	20	89	44.5
	NMN Tiêu Cần-CQ	Hộ	150	93	20	113	75.3
	NMN Thị trấn Cầu Kè	Hộ	60	34	10	44	73.3

## 2/ Về đầu tư xây dựng - phát triển sản xuất:

### a/ Đầu tư xây dựng quý III:

STT	Tên công trình	Hạng mục	Công suất hoặc diện tích	Giá trị tạm tính (đồng)	Ghi chú
1	Đầu tư lắp đặt thiết bị phát hiện và xử lý Clo rò rỉ tại Nhà kho chứa Clor - NM nước TP Trà Vinh	Thiết bị phát hiện và xử lý Clo rò rỉ	1 bộ	999.000.000	Tạm ứng 40% trong quý II



2	Xây dựng Cửa hàng bán vật tư tại khu văn phòng CN QL Thoát nước	Cửa hàng bán vật tư	1 cái	360.000.000	KH năm 2022
<b>Tổng cộng:</b>				<b>1.359.000.000</b>	

- Mục số 1: Công ty đã tạm ứng 40% giá trị hợp đồng (Số tiền tạm ứng là: 399.600.000 đồng) trong quý II/2022. Số tiền đầu tư xây dựng phải trả trong quý III là: 599.400.000 đồng.

- Mục số 2: Đầu tư bằng nguồn vốn Công ty: 360.000.000 đồng.

**Tổng cộng nguồn vốn Công ty đầu tư xây dựng: 959.400.000 đồng.**

**b/ Đầu tư phát triển mạng lưới ống phân phối quý III:**

STT	Công trình	Loại ống	Chiều dài (m)	Giá trị xây lắp tạm tính (đồng)	Ghi chú
<b>* Các tuyến ống Kế hoạch quý II chưa thi công chuyển tiếp sang KH quý III/2022:</b>					
1	Tuyến ống PE D90 đường Nguyễn Đăng ND (lề phải đối diện BV mới), P7, TP Trà Vinh	PE D90	1.904	705.987.389	KH quý II/2022
2	Tuyến ống PE D160 từ cuối ống D160 đường D5 đến Hùng Vương, P5, TP Trà Vinh	PE D160	205	268.276.931	“
3	Tuyến ống PE D225 đường Nguyễn Thiện Thành (từ D5 đến Quốc lộ 53 đi Cầu Ngang)	PE D225	2.119	2.693.004.553	“
4	Tuyến ống PE D90 - L= 900m Khóm 5, phường 9, TPTV	PE D90	900	350.695.260	“
5	Tuyến ống PE D90 - L = 2.740m tuyến phía tây kênh Đoàn Công Chánh từ tỉnh lộ 912 đến Cống số 9, ấp Cây Dương, xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành	PE D90	2.740	850.000.000	“
6	Tuyến ống PE D63 - L = 600m đường cạp kênh Bà Liếp ở khóm 4, TT Tiểu Cần	PE D63	600	180.000.000	“
7	Tuyến ống PVC D90 - L= 1.400m từ cầu Út Hiền đến cống 5 Minh (QL54), K3, TT Cầu Kè	PVC D90	1.400	672.000.000	“
8	Tuyến ống PE D63 - L= 300m từ van xã đường đản ấp Bà My đến cống 5 Minh (QL 54), xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè	PE D63	300	90.000.000	“
9	Tuyến ống PE D63 - L = 400m qua Cầu Thát, ấp Mỹ Cẩm B, xã Mỹ Hòa, Cầu Ngang	PE D63	400	120.000.000	“
10	Tuyến ống PE D63-L = 1.192m ấp Nhứt A, Mỹ Long Bắc, Cầu Ngang	PE D63	1.192	357.600.000	“
11	Tuyến ống PE D110 - L= 2.270m và PE D63 - L= 2.250m	PE D110	2.270	1.094.380.237	“



	đường tránh Quốc lộ 53, huyện Cầu Ngang	PE D63	2.250		
12	Tuyến ống PE D63 - L= 650m, ấp Bờ Kinh 2, xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang	PE D63	650	162.500.000	“
13	Tuyến ống PE D63 - L = 800 đường Hai Bà Trưng nối dài, TT Trà Cú (2 bên)	PE D63	800	240.000.000	“
14	Tuyến ống PE D63 - L= 1.200m Nghĩa trang liệt sĩ, ấp Xa Xi, xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú	PE D63	1.200	324.000.000	“
15	Tuyến ống PE D63 - L= 750m, đường 3/2, ấp KoLa, xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú	PE D63	750	202.500.000	“
16	Tuyến ống PE D63 - L = 550m, ấp Giồng Giếng, xã Long Toàn, TX Duyên Hải	PE D63	550	165.000.000	“
17	Tuyến ống PE D63 - L = 300m, ấp Thống Nhất, xã Long Toàn	PE D63	300	90.000.000	“
18	Tuyến ống PE D63 - L = 300m, đường số 1, khóm Phước An, P1	PE D63	300	90.000.000	“
19	Tuyến ống PE D63 - L = 500m, (Cảng Cần Thơ), đường nhựa, ấp Cồn Ông, xã Dân Thành, TX Duyên Hải	PE D63	500	150.000.000	“
20	Tuyến ống PE D63 - L = 500m, (Cảng Thanh Tuấn), đường nhựa, ấp Cồn Ông, xã Dân Thành, TX Duyên Hải	PE D63	500	150.000.000	“
21	Tuyến ống phân phối PE D90 - L = 2.080m ấp Thống Nhất, xã Long Toàn, Duyên Hải	PE D90	2.080	998.400.000	“
22	Đầu nối tuyến ống nước thô D315 vào ống nước sạch D450 ở Duyên Hải	PE D315	10	234.000.000	“
23	Tuyến ống PE D90-L= 400m, phường 1, TX Duyên Hải	PE D90	400	140.000.000	“
<b>Tổng cộng:</b>			<b>24.320</b>	<b>10.328.344.370</b>	
<b>* Đầu tư phát triển các tuyến ống quý III/2022:</b>					
1	Tuyến ống PE D110 từ Cầu Sóc Ruộng đến hẻm đối diện Đền thờ Bác Hồ (lề phải), xã Long Đức	PE D110	2.535	1.627.886.060	KH năm 2022
2	Tuyến ống PE D110 từ ngã tư Phú Hòa đến quán lẩu Cá Kèo đường Võ Văn Kiệt, P1, TPTV	PE D110	331	174.203.334	KH năm 2022
3	Tuyến ống PE D63 - L = 785m hẻm số 6, đường 30/4, TT Châu Thành	PE D63	785	196.250.000	Đã bổ sung vào KH năm 2022
4	Tuyến ống PE D90 - L = 1.860m hẻm đan ấp Cây Dương, xã Thanh Mỹ, Châu Thành	PE D90	1.860	580.000.000	Phát sinh thêm theo ĐN địa phương



5	Tuyến ống PE D63 – L = 250m khóm 3, phường 1, TX Duyên Hải	PE D63	250	75.000.000	KH năm 2022
6	Tuyến ống PE D90 – L = 1.300m, ấp Xóm Chòi, xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú	PE D90	1.300	533.000.000	Đã bổ sung vào KH năm 2022
7	Tuyến ống PE D110 – L = 2.600m, Trường dân tộc nội trú, ấp Xa Xi, xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú	PE D110	2.600	990.000.000	Đã bổ sung vào KH năm 2022
<b>Tổng cộng:</b>			<b>9.661</b>	<b>4.176.339.394</b>	

**\* Tổng số tuyến ống phát triển: 30 tuyến; Tổng cộng: 33.981m. Bao gồm:**

- Tuyến ống PE D63: **11.327** mét;
- Tuyến ống PE D90: **11.184** mét;
- Tuyến ống PE D110: **7.736** mét;
- Tuyến ống PE D160: **205** mét;
- Tuyến ống PE D225: **2.119** mét;
- Tuyến ống PE D315: **10** mét;
- Tuyến ống PVC D90: **1.400** mét;

**\* Ngoài ra trong quý III/2022:** Công ty phải chuẩn bị vật tư và nhân lực thi công các tuyến ống khi UBND TP Trà Vinh thi công cải tạo các hẻm đal trong nội ô thành phố và dự phòng phát triển các tuyến ống do đề xuất đột xuất của chính quyền địa phương hoặc khu dân cư; Dự tính như sau:

- Tuyến ống PE D63: **2.000** mét; Giá trị xây lắp tạm tính: **500.000.000** đồng.
- Tuyến ống PE D90: **1.000** mét; Giá trị xây lắp tạm tính: **450.000.000** đồng.

**\* Chi phí tư vấn lập dự án đầu tư của tuyến ống D315 dẫn nước sạch từ TX Duyên Hải về Cụm Công nghiệp xã Hiệp Mỹ Tây là 498.000.000 đồng. Công ty đã tạm ứng 30% (số tiền tạm ứng là 149.400.000 đồng) trong quý II. Số tiền còn lại phải thanh toán trong quý III/2022 là 348.600.000 đồng.**

**\* Đầu tư lắp đặt ống nhánh: 730 hộ x 1.870.000 = 1.365.100.000 đồng.**

**c/ Kế hoạch mua hóa chất phục vụ xử lý chất lượng nước quý III:**

STT	Tên hóa chất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá tạm tính	Giá trị tạm tính (đồng)
1	Hóa chất Clor	kg	15.508	28.600	443.528.800
2	Vôi bột – CaO 90%	kg	264.960	3.630	961.804.800
3	Phèn nhôm – AL <sub>2</sub> (SO <sub>4</sub> ) <sub>3</sub> 17%	kg	50.048	7.700	385.369.600
4	Polymer	kg	1.820	77.000	140.140.000
5	Soda	kg	29.440	15.950	469.568.000
<b>Tổng cộng:</b>					<b>2.400.411.200</b>



**d/ Đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc quý III:**

STT	Máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá tạm tính	Giá trị tạm tính (đồng)	Ghi chú
1	Máy nén khí Piston không dầu hiệu BEBICON – HITACHI; Model: 7.5OP – 8.5GA5A; áp lực làm việc: 0,83MPa; lưu lượng 875L/min; công suất: 7,5kw – 10HP; Dự phòng Khu xử lý	Cái	1	250.000.000	250.000.000	
2	Máy bơm chìm Clo Grundfos 3 pha CR5-16A-FGJ-A-E-HQQE Q=8 m3/h Cột áp=60 mét Dự phòng Trạm bơm cấp II	Cái	1	48.840.000	48.840.000	
3	Bàn làm việc Ocal (0,7x1,4m) - Văn phòng chi nhánh	Cái	3	2.000.000	6.000.000	
4	Máy bơm tiếp áp trực ngang 450 m3/h, cột áp 12 mét, 22 kw Đầu bơm: Ebara; Model: 200x150 FS4JA Motor: Teco - Việt Nam. Dự phòng khu xử lý làm mềm nước	Cái	1	236.808.000	236.808.000	
5	Máy đục bê tông Bosch GSH 11E (1.750W) – Tổ bảo trì	Cái	1	22.750.000	22.750.000	
6	Máy cắt hơi – China - Tổ bảo trì	Cái	2	7.500.000	15.000.000	
7	Máy hàn ống PE D63 – 160 Tổ bảo trì	Cái	1	15.400.000	15.400.000	
8	Van bướm mặt bích DN200	Cái	8	18.602.365	148.818.920	
9	Máy cắt cầm tay Bosch - lưỡi cắt 1 tấc – NM Trà Cú	Cái	1	2.500.000	2.500.000	
10	Tủ thiếc nhiều ngăn (0,6x1,8x2,0) - Trang bị cho NM Trà Cú	Cái	1	9.500.000	9.500.000	Phát sinh thêm
11	Bu lông Inox 20x100 kèm tán+LD thay thế van ở NMN Duyên Hải	Bộ	150	45.000	6.750.000	
12	Hệ thống quan trắc tự động mực nước và lưu lượng của 08 giếng ở NMN Duyên Hải	Bộ	1	1.050.720.000	1.050.720.000	
13	Mặt nạ phòng khí độc CLO (3M-6800) - CN Tiểu Cần - CK	Bộ	3	4.500.000	13.500.000	
14	Máy đầm con cóc (bản 4 tấc) – CN Xây lắp – Dịch vụ	Cái	1	15.000.000	15.000.000	
15	Bộ cắt ống nhựa Makita bằng pin 18v - 1.250w, trọng lượng 4kg – CN Xây lắp – Dịch vụ	Bộ	1	8.000.000	8.000.000	
16	Máy siết bulon Makita bằng pin 18v – CN Xây lắp – Dịch vụ	Cái	1	7.000.000	7.000.000	
17	Máy đục bê tông Bosch GSH 11E (1.750W) – CN Xây lắp – Dịch vụ	Cái	2	22.750.000	45.500.000	
18	Ống hút bùn D100 kèm phụ kiện – CNQL thoát nước	m	25	2.365.000	59.125.000	
19	Cáp Inox 6mm - CNQL thoát nước	m	400	30.000	12.000.000	



20	Máy vi tính thay thế máy ông Nam phòng KH - KT	Bộ	1	11.500.000	11.500.000	
<b>Tổng cộng:</b>					<b>1.984.711.920</b>	

**e/ Thay thế đồng hồ quý III:**

Stt	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Giá trị tạm tính (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chi nhánh TP Trà Vinh</b>		<b>1.020</b>	<b>333.234.000</b>	
1	Thay thế định kỳ đồng hồ Thái 15 mm ở TPTV	Cái	1.020	333.234.000	
<b>II</b>	<b>Chi nhánh Châu Thành</b>		<b>160</b>	<b>52.272.000</b>	
1	Thay thế định kỳ đồng hồ Thái 15 mm Trạm Châu Thành	Cái	80	26.136.000	
2	Thay thế, cải tạo lại đồng hồ Trạm cấp nước 134 áp Phú Mỹ	Cái	80	26.136.000	
<b>III</b>	<b>CN Cầu Ngang - Duyên Hải - Trà Cú</b>		<b>205</b>	<b>66.973.500</b>	
1	Thay thế định kỳ đồng hồ Thái 15 mm ở Cầu Ngang - Mỹ Long	Cái	150	49.005.000	
2	Thay thế định kỳ đồng hồ Thái 15 mm ở Duyên Hải	Cái	20	6.534.000	
3	Thay thế định kỳ đồng hồ Thái 15 mm ở Trà Cú	Cái	35	11.434.500	
<b>IV</b>	<b>Chi nhánh Tiểu Cần - Cầu Kè</b>		<b>300</b>	<b>98.010.000</b>	
1	Thay thế định kỳ đồng hồ Thái 15 mm ở Tiểu Cần	Cái	200	65.340.000	
2	Thay thế định kỳ đồng hồ Thái 15 mm Trạm Cầu Kè	Cái	100	32.670.000	
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.685</b>	<b>550.489.500</b>	

**3/ Kế hoạch sửa chữa, cải tạo quý III:**

STT	Nội dung sửa chữa, cải tạo	ĐVT	Số lượng	Nguyên nhân hư hỏng	Giá trị tạm tính	Ghi chú
1	Cải tạo van xả cặn D 90 CN Cấp nước Tiểu Cần - Cầu Kè	Cái	1	Sử dụng lâu hỏng ty van	7.058.858	
2	Cải tạo van xả cặn D 60 CN Cấp nước Tiểu Cần - Cầu Kè	Cái	1	Sử dụng lâu hỏng ty van	6.234.857	
3	Sửa chữa mái che chỗ đậu xe chờ vòi	Cái	1	Do thời gian sử dụng lâu ngày	25.000.000	Phát sinh thêm
<b>Tổng cộng:</b>					<b>38.293.715</b>	

**4/ Kế hoạch súc rửa đường ống:**

Thực hiện súc rửa theo kế hoạch năm 2022. Các chi nhánh cấp nước lập kế hoạch súc rửa hàng tháng gửi về Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật theo dõi tổng hợp.

**5/ Kế hoạch tổ chức, nhân sự và đào tạo:**



- Tuyển thêm lao động bổ sung các vị trí công việc còn thiếu.
- Điều chuyển chức năng, nhiệm vụ qua lại giữa các đơn vị trực thuộc.

**6/ KH mua sắm trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động:**

Thực hiện theo Kế hoạch số 807/KH-CTN ngày 28/12/2022 Kế hoạch An toàn – Vệ sinh lao động năm 2022.

**\* Giá trị đầu tư cần thiết của KH quý III/2022: 16.762.683.764 đồng.**

STT	Nội dung	Giá trị đầu tư tạm tính (đồng)	Ghi chú
1	Đầu tư xây dựng	959.400.000	
2	Đầu tư phát triển mạng lưới ống phân phối	14.504.683.764	
3	Dự phòng phát triển các tuyến ống	950.000.000	
4	Chi phí tư vấn lập DA tuyến ống D315	348.600.000	
<b>Tổng cộng giá trị đầu tư tạm tính</b>		<b>16.762.683.764</b>	

**\* Công ty đã vay:**

- 04 tuyến ống nằm trong Hồ sơ vay của 26 tuyến ống 03 quý II, III và IV/2021); Giá trị xây lắp tạm tính: **4.761.649.110 đồng.**

Trong đó, Vốn đối ứng cần là: **4.761.649.110 x 30% = 1.428.494.733 đồng.**

- 05 tuyến ống nằm trong Hồ sơ vay quý I/2022; Giá trị xây lắp tạm tính: **765.000.000 đồng.**

Trong đó, Vốn đối ứng cần là: **765.000.000 x 30% = 229.500.000 đồng.**

**\* 04 tuyến ống đã có vật tư, Giá trị xây lắp tạm tính: 3.142.784.654 đồng.**

**\* Công ty vay vốn trong quý 2 + 3: Gồm 17 tuyến ống; Giá trị xây lắp tạm tính: 5.835.250.000 đồng.**

**Công ty cần làm thủ tục vay thêm để đầu tư phát triển mạng phân phối quý 2 + 3/2022 là: 5.835.250.000 x 70% = 4.084.675.000 đồng (Đã hoàn thành hồ sơ vay quý 2/2022, số tiền đề nghị vay: 1.000.000.000 đồng). Như vậy, số tiền cần làm thủ tục vay quý 3/2022 là: 3.084.675.000 đồng.**

Trong đó, Vốn đối ứng cần là: **5.835.250.000 x 30% = 1.750.575.000 đồng.**

**\* Phân ra nguồn vốn:**

- Vay vốn quý III/2022: 3.084.675.000 đồng.

- Nguồn vốn Công ty: 5.666.569.733 đồng. Bao gồm:

+ Đầu tư xây dựng: 959.400.000 đồng.

+ Vốn đối ứng cần là: 3.408.569.733 đồng.

+ Dự phòng phát triển các tuyến ống: 950.000.000 đồng.

+ Chi phí tư vấn lập DA tuyến ống D315: 348.600.000 đồng.

**7/ Giải pháp thực hiện:**

Nhằm khắc phục những mặt hạn chế, tồn tại của quý II, thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của quý III, đề nghị các đơn vị tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

a) Tăng cường công tác phòng chống thất thoát nước nhằm giảm tỷ lệ hao hụt (tập trung chống thất thoát cho NMN thành phố Trà Vinh): Tăng cường kiểm tra áp lực mạng, trực dò tìm ống bể, xử lý nhanh sự cố bể ống nhằm hạn chế thất thoát



nước; Thường xuyên theo dõi, kiểm tra đồng hồ khách hàng để sớm phát hiện hộ sử dụng nước không qua đồng hồ, hộ khách hàng sử dụng nước tăng đột biến hoặc giảm đột biến,... nhằm xử lý kịp thời; Kiểm soát việc xả cặn, súc xả mứt các tuyến ống phân phối một cách hợp lý.

b) Giải pháp tăng sản lượng nước tiêu thụ, tăng doanh thu:

- Tập trung phát triển khách hàng: Phòng Kế hoạch kỹ thuật đảm bảo cung ứng kịp thời, đầy đủ vật tư thi công các tuyến ống; Chi nhánh Xây lắp đẩy nhanh tiến độ thi công, tập trung thi công phát triển các tuyến ống có tiềm năng phát triển khách hàng cao; các Chi nhánh cấp nước tranh thủ kết hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động người dân đăng ký sử dụng nước sạch.

- Chi nhánh mua bán vật tư sớm đi vào hoạt động kinh doanh.

c) Tiếp tục thực hiện các giải pháp giải quyết khó khăn tình hình tài chính:

- Tăng sản lượng nước Công ty sản xuất, giảm mua sản lượng nước mặt một cách hợp lý.

- Cố gắng tranh thủ bằng mọi cách để được phê duyệt tăng giá nước sớm nhất.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp thu hồi công nợ để cân đối nguồn tiền sử dụng: tập hợp chứng từ pháp lý để nhờ cơ quan chức năng hỗ trợ; tiếp tục thu hồi công nợ thiếu tiền nước,...

- Cắt giảm tối đa các khoản đầu tư, mua sắm trang thiết bị chưa thật sự cấp thiết.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công việc trong Quý II/2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III/2022 và một số giải pháp nhiệm vụ trọng tâm. Ban Tổng Giám đốc Công ty đề nghị các đơn vị, bộ phận liên quan triển khai thực hiện đảm bảo kế hoạch đã đề ra./.

**Nơi nhận:**

- HĐQT (báo cáo);
- PTGD;
- TBKS (g/s);
- Các đơn vị trực thuộc (t/h);
- Lưu: VT, KHKT.



Nguyễn Văn Quý



Phụ lục 1: Kết quả hoạt động SXKD quý II năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch Quý II/2022	Thực hiện Quý II/2021	Ước thực hiện Quý II/2022	So KH quý II/2022 (%)	So cùng kỳ QII /2021 (%)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>NƯỚC SẢN XUẤT</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>3,980,045</b>	<b>3,800,273</b>	<b>4,198,043</b>	<b>105.5</b>	<b>110.5</b>	
1	- TP Trà Vinh-Châu Thành (nước ngầm+ nước mặt)	m <sup>3</sup>	3,095,127	-	3,276,931	105.9	-	
1.a	+ NMN TPTV:	m <sup>3</sup>	2,904,651	2,774,510	3,082,228	106.1	111.1	
	++ nước ngầm	m <sup>3</sup>	1,444,651	-	1,538,633	106.5	-	
	++Nước mặt	m <sup>3</sup>	1,460,000	-	1,543,595	105.7	-	
1.b	+ Châu Thành	m <sup>3</sup>	190,476	191,951	194,703	102.2	101.4	
2	- Mỹ Chánh	m <sup>3</sup>	50,582	-	56,105	110.9	-	
3	- NM Cầu Ngang + ML	m <sup>3</sup>	232,994	225,450	236,150	101.4	104.7	
4	- NM Trà Cú	m <sup>3</sup>	138,281	140,871	155,687	112.6	110.5	
5	- NM Duyên Hải	m <sup>3</sup>	151,325	156,943	148,013	97.8	94.3	
6	- NM Tiểu Cần + CQ	m <sup>3</sup>	221,312	223,395	233,680	105.6	104.6	
7	- NM Cầu Kè	m <sup>3</sup>	90,424	87,153	91,477	101.2	105.0	
<b>II</b>	<b>NƯỚC TIÊU THỤ</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>3,419,854</b>	<b>3,297,952</b>	<b>3,441,831</b>	<b>100.6</b>	<b>104.4</b>	
1	- TP Trà Vinh-Châu Thành (nước ngầm+ nước mặt)	m <sup>3</sup>	2,658,000	-	2,646,223	99.6	-	
	++ NMN TPTV	m <sup>3</sup>	2,498,000	2,398,764	2,478,488	99.2	103.3	
	++ Châu Thành	m <sup>3</sup>	160,000	167,622	167,735	104.8	100.1	
2	- Mỹ Chánh	m <sup>3</sup>	43,500	-	46,325	106.5	-	
3	- NM Cầu Ngang + ML	m <sup>3</sup>	205,035	210,334	212,237	103.5	100.9	
4	- NM Trà Cú	m <sup>3</sup>	118,922	119,339	132,653	111.5	111.2	
5	- NM Duyên Hải	m <sup>3</sup>	127,113	135,337	128,018	100.7	94.6	
6	- NM Tiểu Cần + CQ	m <sup>3</sup>	185,902	185,094	194,498	104.6	105.1	
7	- NM Cầu Kè	m <sup>3</sup>	81,382	81,462	81,877	100.6	100.5	
<b>III</b>	<b>TỶ LỆ HAO HỤT</b>	<b>%</b>	<b>14.1</b>	<b>13.2</b>	<b>18.0</b>	<b>3.9</b>	<b>4.8</b>	
1	- TP Trà Vinh-Châu Thành (nước ngầm+ nước mặt)	%	14.1		19.2	5.1	-	
	+ NMN TPTV	%	14.0	13.5	19.6	5.6	6.0	
	+ Châu Thành	%	16.0	12.7	13.9	(2.1)	1.2	
	- Mỹ Chánh	%	14.0		17.4	3.4	-	
2	- NM Cầu Ngang + ML	%	12.0	6.7	10.1	(1.9)	3.4	
3	- NM Trà Cú	%	14.0	15.3	14.8	0.8	(0.5)	
4	- NM Duyên Hải	%	16.0	13.8	13.5	(2.5)	(0.3)	
5	- NM Tiểu Cần + CQ	%	16.0	17.1	16.8	0.8	(0.4)	
6	- NM Cầu Kè	%	10.0	6.5	10.5	0.5	4.0	
<b>4</b>	<b>Tổng doanh thu và TN khác</b>	<b>Triệu</b>	<b>28,996</b>	<b>28,559</b>	<b>29,491</b>	<b>101.7</b>	<b>103.3</b>	
4.1	Nước máy	Triệu	26,693	25,888	26,940	100.9	104.1	





	- TP Trà Vinh + Châu Thành	Triệu	21,380	20,467	21,399	100.1	104.6
	- NM Cầu Ngang - Mỹ Long	Triệu	1,482	1,524	1,528	103.1	100.3
	- Thị trấn Trà Cú	Triệu	887	890	1,000	112.7	112.4
	- NM Duyên Hải	Triệu	977	1,054	983	100.6	93.3
	- NM Tiểu Cần - Cầu Quan	Triệu	1,367	1,354	1,430	104.6	105.6
	- Thị trấn Cầu Kè	Triệu	600	599	600	100.0	100.2
4.2	<b>Xây lắp</b>	<b>Triệu</b>	<b>243</b>	<b>215</b>	<b>543</b>	<b>223.5</b>	<b>252.8</b>
4.3	<b>DT thoát nước</b>	<b>Triệu</b>	<b>1,800</b>	<b>2,128.3</b>	<b>1,808</b>	<b>100.4</b>	<b>84.9</b>
	<b>Vật tư chuyên ngành</b>	<b>Triệu</b>	<b>-</b>	<b>25.8</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
4.4	<b>Doanh thu +TN Khác</b>	<b>Triệu</b>	<b>260</b>	<b>302.7</b>	<b>200</b>	<b>76.9</b>	<b>66.1</b>
5	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Triệu</b>	<b>29,397</b>	<b>22,042</b>	<b>30,972</b>	<b>105.4</b>	<b>140.5</b>
	Chi phí sản xuất nước ngầm	Triệu	22,242	22,042	23,455	105.5	106.4
	Chi phí mua nước mặt	Triệu	7,155	-	7,517	105.1	-
6	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Triệu</b>	<b>-401</b>	<b>6,516.8</b>	<b>(1,481)</b>	<b>-</b>	<b>-22.7</b>
7	<b>Phát triển khách hàng</b>	<b>Triệu</b>	<b>809</b>	<b>892</b>	<b>752</b>	<b>93.0</b>	<b>84.3</b>
	- TP Trà Vinh	Hộ	560	553	369	65.9	66.7
	- Châu Thành	Hộ	30		90	300.0	-
	- Mỹ Chánh	Hộ	30	(CTh+MC) 669	38	126.7	-
	- NM Cầu Ngang - Mỹ Long	Hộ	40	59	77	192.5	130.5
	- Thị trấn Trà Cú	Hộ	30	97	70	233.3	72.2
	- NM Duyên Hải	Hộ	65	38	39	60.0	102.6
	- NM Tiểu Cần - Cầu Quan	Hộ	40	125	46	115.0	36.8
	- Thị trấn Cầu Kè	Hộ	14	20	23	164.3	115.0





**Phụ lục 2: Kết quả đầu tư xây dựng - phát triển sản xuất Quý II/2022**



**1/ Đầu tư xây dựng:**

STT	Tên công trình	Công suất hoặc diện tích	Ghi chú
1	Đầu tư lắp đặt thiết bị phát hiện và xử lý Clo rò rỉ tại Nhà kho chứa Clor – NM nước TP Trà Vinh	1 bộ	Đã chuyển ứng tiền 40% giá trị hợp đồng; Đơn vị thi công đang chuẩn bị vật tư thi công

**2/ Đầu tư phát triển mạng lưới ống phân phối:**

STT	Công trình	Loại ống	Chiều dài (m)	Giá trị xây lắp tạm tính (đồng)	Ghi chú
<b>Các tuyến ống đã và đang thi công:</b>					
1	Tuyến ống PE D63 – L = 250m hẻm đan, ấp Phú Hòa, Long Đức	PE D63	250	75.600.000	Đã thi công xong
2	Tuyến ống PE D90 – L = 990m hẻm đan đường Nguyễn Tấn Liêng, Vĩnh Hưng, Long Đức	PE D90	990	365.000.000	Đã thi công xong
3	Tuyến ống PE D110 – L = 500m từ tuyến ống cấp nước của Công ty đến nhà ông Huỳnh Sol, ấp Thanh Nguyên A, MC, CT	PE D110	500	300.000.000	Đã thi công xong
4	Tuyến ống PE D63 – L = 420m hẻm 79 đường 30/4, K1, TT Châu Thành	PE D63	420	105.000.000	Đã thi công xong
5	Tuyến ống PE D63 – L = 2.200m đường TL 912 (từ cuối ống PE D110 của Cty đến xã Thanh Mỹ)	PE D63	2.200	660.000.000	Đang thi công
<b>Tổng cộng:</b>			<b>4.360</b>	<b>1.505.600.000</b>	
<b>Các tuyến ống chưa thi công:</b>					
1	Tuyến ống PE D90 đường Nguyễn Đăng ND (lề phải đối diện BV mới), P7, TP Trà Vinh	PE D90	1.904	705.987.389	Chưa có mặt bằng thi công
2	Tuyến ống PE D160 từ cuối ống D160 đường D5 đến Hùng Vương, P5, TP Trà Vinh	PE D160	205	268.276.931	Đã ký hợp đồng, chuẩn bị thi công
3	Tuyến ống PE D225 đường Nguyễn Thiện Thành (từ D5 đến Quốc lộ 53 đi Cầu Ngang)	PE D225	2.119	2.693.004.553	Đã ký hợp đồng, chuẩn bị thi công
4	Tuyến ống PE D90 – L= 900m Khóm 5, phường 9, TPTV	PE D90	900	350.695.260	
5	Tuyến ống PE D90 - L = 2.740m tuyến phía tây kênh Đoàn Công Chánh từ tỉnh lộ 912 đến Cống số 9, ấp Cây Dương, xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành	PE D90	2.740	850.000.000	
6	Tuyến ống PE D63 - L = 600m đường cạp kênh Bà Liếp ở khóm 4, TT Tiểu Cần	PE D63	600	180.000.000	
7	Tuyến ống PVC D90 - L= 1.400m từ cầu Út Hiền đến cống 5 Minh (QL54), K3, TT Cầu Kè	PVC D90	1.400	672.000.000	





8	Tuyến ống PE D63 - L= 300m từ van xã đường đân ấp Bà My đến cống 5 Minh (QL 54), xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè	PE D63	300	90.000.000	
9	Tuyến ống PE D63 - L = 400m qua Cầu Thát, ấp Mỹ Cẩm B, xã Mỹ Hòa, Cầu Ngang	PE D63	400	120.000.000	
10	Tuyến ống PE D63-L = 1.192m ấp Nhứt A, Mỹ Long Bắc, Cầu Ngang	PE D63	1.192	357.600.000	
11	Tuyến ống PE D110 - L= 2.270m và PE D63 - L= 2.250m đường tránh Quốc lộ 53, huyện Cầu Ngang	PE D110	2.270	1.094.380.237	
		PE D63	2.250		
12	Tuyến ống PE D63 - L= 650m, ấp Bờ Kinh 2, xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang	PE D63	650	162.500.000	
13	Tuyến ống PE D63 - L = 800 đường Hai Bà Trưng nối dài, TT Trà Cú (2 bên)	PE D63	800	240.000.000	
14	Tuyến ống PE D63 - L= 1.200m Nghĩa trang liệt sĩ, ấp Xa Xi, xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú	PE D63	1.200	324.000.000	
15	Tuyến ống PE D63 - L= 750m, đường 3/2, ấp KoLa, xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú	PE D63	750	202.500.000	
16	Tuyến ống PE D63 - L = 550m, ấp Giồng Giêng, xã Long Toàn, TX Duyên Hải	PE D63	550	165.000.000	
17	Tuyến ống PE D63 - L = 300m, ấp Thống Nhất, xã Long Toàn	PE D63	300	90.000.000	
18	Tuyến ống PE D63 - L = 300m, đường số 1, khóm Phước An, P1	PE D63	300	90.000.000	
19	Tuyến ống PE D63 - L = 500m, (Cảng Cần Thơ), đường nhựa, ấp Cồn Ông, xã Dân Thành, TX Duyên Hải	PE D63	500	150.000.000	
20	Tuyến ống PE D63 - L = 500m, (Cảng Thanh Tuấn), đường nhựa, ấp Cồn Ông, xã Dân Thành, TX Duyên Hải	PE D63	500	150.000.000	
21	Tuyến ống phân phối PE D90 - L = 2.080m ấp Thống Nhất, xã Long Toàn, Duyên Hải	PE D90	2.080	998.400.000	
22	Đầu nối tuyến ống nước thô D315 vào ống nước sạch D450 ở Duyên Hải	PE D315	10	234.000.000	
23	Tuyến ống PE D90-L= 400m, phường 1, TX Duyên Hải	PE D90	400	140.000.000	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>24.320</b>	<b>10.328.344.370</b>	

001195  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 HOẠT ĐỘNG  
 VÀ VINH  
 NH - T. T.

\* Chi phí tư vấn lập dự án đầu tư của tuyến ống D315 dẫn nước sạch từ TX Duyên Hải về Cụm Công nghiệp xã Hiệp Mỹ Tây là 498.000.000 đồng. Công ty đã tạm ứng 30% (số tiền tạm ứng là 149.400.000 đồng) trong quý II.

**\* Về thực hiện vay vốn quý II:**

Hoàn thiện hồ sơ của 10 tuyến ống để gửi vay vốn tại Quỹ Đầu tư và Phát triển Trà Vinh.



+ Tổng giá trị dự toán: 1.962.003.156 đồng

+ Số tiền đề nghị vay: 1.000.000.000 đồng

+ Thời hạn vay: 6 năm ; lãi suất 7.8%/năm.

3/ **Mua hóa chất phục vụ xử lý chất lượng nước:** Đã thực hiện.

4/ **Đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc:** Đã thực hiện mua sắm theo kế hoạch; Phần còn lại sẽ thực hiện mua sắm khi các chi nhánh, đơn vị có nhu cầu thật cấp thiết.

5/ **Thay thế đồng hồ:**

Stt	Nội dung	Đvt	Quý II/2022			06 tháng đầu năm 2022		
			Kế hoạch quý II	Thực hiện quý II	So KH quý II(%)	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 06 tháng đầu năm	So KH năm (%)
<b>I</b>	<b>Chi nhánh TP Trà Vinh</b>	Cái	<b>1.020</b>	<b>461</b>	<b>45,2</b>	<b>4.000</b>	<b>890</b>	<b>22,3</b>
1	Thay thế định kỳ đồng hồ Thái 15 mm ở TPTV	Cái	1.020	461	45,2	4.000	890	22,3
<b>II</b>	<b>Chi nhánh Châu Thành</b>	Cái	<b>100</b>	<b>236</b>	<b>236,0</b>	<b>500</b>	<b>299</b>	<b>59,8</b>
1	Thay thế định kỳ đồng hồ Thái 15 mm Trạm Châu Thành	Cái	50	109	218,0	200	109	54,5
2	Thay thế, cải tạo lại đồng hồ Trạm cấp nước 134 ấp Phú Mỹ	Cái	50	127	254,0	300	190	63,3
<b>III</b>	<b>CN Cầu Ngang – Duyên Hải – Trà Cú</b>		<b>180</b>	<b>232</b>	<b>128,9</b>	<b>600</b>	<b>248</b>	<b>41,3</b>
1	Thay thế định kỳ đồng hồ Thái 15 mm ở Cầu Ngang - Mỹ Long	Cái	100	0	0	300	16	5,3
2	Thay thế định kỳ đồng hồ Thái 15 mm ở Duyên Hải	Cái	50	150	300,0	150	150	100,0
3	Thay thế định kỳ đồng hồ Thái 15 mm ở Trà Cú	Cái	30	82	273,3	150	82	54,7
<b>IV</b>	<b>Chi nhánh Tiểu Cần – Cầu Kè</b>		<b>300</b>	<b>77</b>	<b>25,7</b>	<b>1.215</b>	<b>77</b>	<b>6,3</b>
1	Thay thế định kỳ đồng hồ Thái 15 mm ở Tiểu Cần	Cái	200	77	38,5	860	77	9,0
2	Thay thế định kỳ đồng hồ Thái 15 mm Trạm Cầu Kè	Cái	100	0	0	355	0	0
<b>Tổng cộng:</b>			<b>1.600</b>	<b>1.006</b>	<b>62,9</b>	<b>6.315</b>	<b>1.514</b>	<b>24,0</b>

6/ **Sửa chữa, cải tạo:**

STT	Nội dung sửa chữa, cải tạo	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Cải tạo van xả cặn D 90CN Cấp nước Tiểu Cần - Cầu Kè	Cái	2	Đã thực hiện cải tạo 01 cái
2	Cải tạo van xả cặn D 60CN Cấp nước Tiểu Cần - Cầu Kè	Cái	2	Đã thực hiện cải tạo 01 cái



Số: 31 /BC-CTN

Trà Vinh, ngày 01 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRONG QUÝ II/2022**

- Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT (ngày 12/4/2022), NQ số 19/NQ-HĐQT (ngày 24/5/2022) và NQ số 22/NQ-HĐQT (ngày 09/6/2022) của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh;

- Căn cứ vào tình hình thực hiện quý II/2022, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong quý II/2022 như sau:

**I/ Tình hình thực hiện Nghị quyết trong quý II năm 2022:**

- Do tình hình tài chính công ty gặp nhiều khó khăn: Công ty điều chỉnh chỉ tiêu nội bộ một số chi phí:

+ Mức phụ cấp tiền ăn ca là 730.000 đồng/người/tháng, từ 01/5/2022.

+ Chi nước uống: 50.000 đồng/người/tháng, từ năm 2022.

+ Chi tiếp khách giao dịch và đối ngoại thường xuyên của NQL: giảm 50% mức khoán theo quy chế, từ 01/5/2022.

- Đã chi lễ 30/4&01/5/2022 cho NQL và NLĐ 2.000.000 đồng/người; chi tiền trang phục năm 2022 (đợt 1) 2.000.000 đồng/người (đối tượng được quy định trong quy chế).

- Đã ký quyết định bổ nhiệm Ông Lê Thành Nam giữ chức vụ trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật.

- Ông Trần Văn Nghị đã được bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc Chi nhánh Xây lắp-Dịch vụ.

**II/ Thực hiện một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD năm quý II và 6 tháng đầu năm 2022:**

**\* Chỉ tiêu về sản lượng:**

1. Sản lượng nước sản xuất: 4.198.043 m<sup>3</sup>, đạt 105.5 % KH quý II/2022

+ Thực hiện 6 tháng đầu năm: 8.174.260 m<sup>3</sup>, đạt 53.7 % KH năm.

2. Sản lượng nước tiêu thụ: 3.441.831 m<sup>3</sup>, đạt 100.6 % KH quý II/2022;

+ Thực hiện 6 tháng đầu năm: 6.847.146 m<sup>3</sup>, đạt 52.4 % KH năm.

3. Tỷ lệ thất thoát nước quý II là 18.0 %, ; tăng 3.9 % so với KH quý.

+ Thực hiện 6 tháng đầu năm 16.2%, tăng 2.1 % so với KH năm.

4. Phát triển mạng: 4.360 mét ống; đạt 15.2% KH quý ; 7.4 % KH năm.

Trong 6 tháng đầu năm: đã thi công 16.782 mét tuyến ống các loại, đường kính từ D63 – D500 (17/40 tuyến), với tổng giá trị dự toán hơn 9,6 tỷ đồng.

(Thành phố Trà Vinh 07 tuyến 7.541m ; Châu Thành-MC 05 tuyến 3.411m ; Trà Cú 01 tuyến 2.330m ; Cầu Ngang-Mỹ Long 04 tuyến 3.500m ; Các NMN Duyên Hải, Tiểu Cần-CQ; Cầu Kè trong 6 tháng đầu năm chưa có thi công tuyến ống mới).





5. Phát triển khách hàng 752 hộ đạt 93% so với kế hoạch quý II; 6 tháng đầu năm thực hiện: 1.526 hộ, đạt 49.4%.

**\* Chỉ tiêu về tài chính:**

1. Tổng doanh thu, thu nhập khác: 29,695.5 tỷ đồng, đạt 102.4% KH quý II/2022; tăng 4.0 % so với cùng kỳ 2021.

+ Thực hiện 6 tháng đầu năm: 56,799.5 tỷ đồng (đạt 50.1% so KH năm).

2. Tổng chi phí: 27,474.5 tỷ đồng, đạt 93.5% KH quý; tăng 24.6% so với cùng kỳ. Kết quả 6 tháng 54,993 tỷ đồng (41.1% so với KH năm)

Trong đó:

+ Chi phí sản xuất: 19,881 tỷ đồng (89.4% KH quý).

Thực hiện trong 6 tháng đầu năm là 39,324 tỷ đồng (40.1% KH năm).

+ Chi phí mua nguyên mặt nước mặt: 7,593 tỷ đồng.

Tổng thực hiện 6 tháng đầu năm là 15,669 tỷ đồng (43.8% KH năm)

3. Lợi nhuận trước thuế: 2,221.5 tỷ đồng.

Lợi nhuận 6 tháng đầu năm là 1,806 tỷ đồng.

4. Thu nhập bình quân người lao động giảm do lỗi nên từ tháng 02/2022 NLD chỉ hưởng lương cơ bản (bằng 86,2 % so với cùng kỳ).

\* Tình hình dịch bệnh Covid-19 đã bình thường nên các chỉ tiêu sản lượng nước sản xuất, tiêu thụ đạt so với hoạch. Tổng doanh thu 6 tháng đầu năm tăng 5.8% so với cùng kỳ, đạt 50.1% so KH năm. Doanh thu nước máy tăng do tiêu thụ tăng, DT xây lắp tăng (do tăng lắp đặt đồng hồ nước cho khách hàng), tuy nhiên doanh thu thoát nước, doanh thu+ thu nhập khác không đạt, chưa có doanh thu cửa hàng mua bán vật tư.

- Tỷ lệ hao hụt quý II tăng cao, nhất là nhà máy nước thành phố Trà Vinh (19.2%). Chậm phát hiện ống bể.

- Việc trình xin tăng giá nước máy vẫn chưa được duyệt nên tình hình tài chính Công ty vẫn còn rất khó khăn.

Công ty vẫn tiếp tục cắt giảm chi phí, giảm cải tạo sửa chữa, giảm mua sắm trang thiết bị chưa thật sự cấp thiết,

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện nghị quyết trong quý II/2022 và nghị quyết về chỉ tiêu hoạt động SXKD năm 2022, báo cáo Hội đồng quản trị Công ty xem xét có ý kiến định hướng tiếp theo.

**Nơi nhận:**

- HĐQT (b/c);
- Các PTGD;
- Trưởng BKS (giám sát);
- Lưu VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

  
**Nguyễn Văn Quý**









Số: 353 /TTr-CTN

Trà Vinh, ngày 18 tháng 7 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

Về việc xem xét và điều chỉnh thang, bảng lương của người lao động  
Công ty theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh.

Căn cứ Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-HĐQT ngày 11/6/2020 về việc ban hành hệ thống thang bảng lương của người lao động tại Công ty.

Hiện nay, thang bảng lương của người lao động Công ty đang áp dụng mức lương tối thiểu vùng là 3.920.000 đồng/tháng (theo quy định của Nghị định số 90/2019/NĐ-CP). Ngày 12/6/2022 Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2022/NĐ-CP về việc quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động áp dụng từ ngày 01/7/2022 (thành phố Trà Vinh thuộc vùng 2 với mức lương tối thiểu là 4.160.000 đồng/tháng).

\* Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét và cho ý kiến./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Ban TGD Cty;
- Trường BKS Cty;
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Quý



CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

Số: 365 /TTr-CTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 20 tháng 7 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

Về việc xử lý độ cứng tổng bằng phương pháp pha trộn  
nước ngầm và nước mặt đã xử lý

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh

- Căn cứ tình hình thực tế, hiện nay Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh có mua nước mặt từ 2 Nhà máy nước mặt Senco và BOO Trà Vinh với công suất 10.000m<sup>3</sup>/ngày/mỗi NMN; Qua đó nhận thấy chất lượng nước mặt thực tế tốt hơn nước ngầm Công ty đang sử dụng cấp cho thành phố Trà Vinh.

Hiện tại, chất lượng nước ngầm NMN thành phố Trà Vinh có độ cứng tổng cao hơn quy chuẩn cho phép (>300 mg/l), Công ty đang xử lý độ cứng bằng phương pháp hóa học, sử dụng vôi, phèn, soda,...; Nguồn nước mặt đã qua xử lý mà Công ty đang mua của Công ty TNHH MTV Senco Trà Vinh có độ cứng tổng bình quân 160mg/l.

- Để đảm bảo công tác xử lý nước giảm độ cứng có hiệu quả và giảm được chi phí mua hóa chất, Ban Tổng Giám đốc bàn bạc và thống nhất trình HĐQT thông qua việc kêu gọi Nhà máy nước SENCO Trà Vinh đầu tư cấp nước về Khu xử lý nước NMN Thành phố Trà Vinh, công suất khoảng 4.000 đến 5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm cung cấp nước mặt đã xử lý nhằm pha trộn nước mặt với nước ngầm, mục đích xử lý độ cứng không sử dụng hóa chất;

- Trên cơ sở phân tích hiệu quả phương án xử lý độ cứng tổng bằng phương pháp pha trộn nước ngầm và nước mặt đã xử lý (kèm theo tờ trình của phòng Kế hoạch-kỹ thuật);

Ban Tổng giám đốc Công ty xin trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt để sau đó sẽ có bước thương thảo với Công ty TNHH MTV Senco Trà Vinh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Tổng giám đốc Cty;
- Lưu: VT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Quý





CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC TRÀ VINH  
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 20 tháng 7 năm 2022

### TỜ TRÌNH

Về phân tích hiệu quả phương án xử lý độ cứng tổng bằng phương pháp pha trộn nước ngầm và nước mặt đã xử lý

**Kính gửi: Tổng giám đốc Công ty cổ phần  
Cấp nước Trà Vinh.**

Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ của phòng Kế hoạch – Kỹ thuật, trong đó có chức năng quản lý, giám sát xử lý chất lượng nước và chất thải thuộc hệ thống Công ty quản lý;

- Hiện nay, chất lượng nước ngầm có độ cứng tổng cao hơn quy chuẩn cho phép (>300 mg/l), hiện tại Công ty đang xử lý độ cứng bằng phương pháp hóa học, sử dụng vôi, phèn, soda,...

- Nguồn nước mặt đã qua xử lý mà Công ty đang mua của Công ty TNHH MTV Senco Trà Vinh có độ cứng tổng bình quân 160mg/l.

Do đó, phòng Kế hoạch-kỹ thuật và Chi nhánh Cấp nước thành phố Trà Vinh nghiên cứu giải pháp pha trộn nước ngầm và nước mặt để làm giảm độ cứng tổng của nước, ngừng hoạt động xử lý độ cứng tổng bằng hóa chất của Khu xử lý 10.000m<sup>3</sup>/ngđ, nhằm tiết kiệm chi phí trong sản xuất nước sinh hoạt cung cấp cho người dân đồng thời vẫn đảm bảo chất lượng nước theo Quy chuẩn 01-1/2018/BYT của Bộ Y tế.

\* Qua kết quả thí nghiệm của Tổ xét nghiệm, với tỷ lệ pha trộn nước ngầm và nước mặt hợp lý (tỷ lệ 70% : 30%), nước sau pha trộn có độ cứng tổng đạt khoảng 280 mg/l (tiêu chuẩn cho phép 300mg/l), không có mùi, vị lạ.

Kết quả thí nghiệm: pha trộn nước sau ***XL Sắt + XL Senco (có châm Clo)***

STT	Tỷ lệ trộn	Độ đục	Sắt	Độ cứng	Mùi, vị
Thí nghiệm 1	Nước ngầm : nước mặt (70 : 30)	0.95	0.02	280	K
	Nước ngầm : nước mặt (80 : 20)	0.90	0.02	290	K

\* **Giải pháp:** mua 4.000m<sup>3</sup> - 5.000 m<sup>3</sup>/ngđ nước mặt (tùy theo lưu lượng khai thác nước ngầm), pha trộn với nguồn nước ngầm theo tỷ lệ 70 (nước ngầm): 30 (nước mặt). Chi phí mua nước mặt đưa vào chi phí giá thành.

\* **Đánh giá hiệu quả pha trộn:**

- Chi phí giảm khi ngừng hoạt động khu xử lý chất lượng nước (chi phí theo định mức thực tế xử lý năm 2022 ) khoảng **6,30 tỷ đồng/năm**. Trong đó: Vôi: 1,93 tỷ đồng ; phèn: 0,75 tỷ đồng ; soda: 2,12 tỷ đồng ; polymer: 0,29 tỷ đồng ; xăng





vận chuyên: 0,08 tỷ đồng ; điện: 0,60 tỷ đồng ; lương NLD (giảm 6 người): 0,53 tỷ đồng. Ngoài ra giảm chi phí xử lý cặn vôi thải ra trong quá trình xử lý nước.

- Chi phí mua nước mặt ( $5.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ ):

+ Giá mua nước mặt Senco là 4.801 đồng,

+ Giá  $1\text{m}^3$  nước dự kiến tăng ( $10.100 - 8.163$ ) đồng = 1.937 đồng,

⇒ Chi phí bỏ ra để mua  $5.000\text{m}^3$  ngđ trong 01 năm là:

$(4.801 - 1.937) \text{ đồng} * 5.000 \text{ m}^3 * 365 \text{ ngày} = 5.226.800.000 \text{ đồng}$  (5,23 tỷ đồng)

⇒ Hàng năm Công ty tiết kiệm khoảng chi phí:

$6,3 \text{ tỷ đồng} - 5,23 \text{ tỷ đồng} = 1,07 \text{ tỷ đồng}$

- Mặt khác Công ty giảm chi phí xử lý cặn vôi thải ra trong quá trình xử lý, gồm:

+ Chi phí đăng ký chất thải không nguy hại: 150 triệu đồng

+ Chi phí bãi đổ: 130 triệu đồng/năm.

Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật xin trình Tổng giám đốc Công ty hiệu quả của phương án xử lý độ cứng bằng phương pháp pha trộn nước mặt đã xử lý.

#### PHÒNG KẾ HOẠCH-KỸ THUẬT

Phan Thị Ngọc Thu





Số: 309/TTr-CTN

Trà Vinh, ngày 22 tháng 6 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Về việc điều chỉnh Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh.

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 2100119570;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh;*

Được sự thống nhất của Ban Tổng Giám đốc về Chi nhánh mua bán vật tư sẽ kinh doanh thêm các ngành, nghề khác ngoài các mặt hàng chuyên ngành. Nên Ban Tổng Giám đốc đã thống nhất “ thay đổi tên Cửa hàng mua bán vật tư thành Cửa hàng mua bán vật tư tổng hợp” (theo tinh thần tại Thông báo số 09/TB – CTN).

Do ngành nghề kinh doanh của Công ty tại khoản 2 điều 4 Điều lệ Công ty quy định “ Kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp thoát nước” như vậy không có chức năng mua bán các loại vật tư khác, nếu như vậy thì cửa hàng quá đơn điệu không đa dạng hàng hoá được. Nay Ban Tổng Giám đốc đề nghị bổ sung ngành, nghề kinh doanh trong Điều lệ Công ty để các cửa hàng của Chi nhánh mua bán vật tư của Công ty có thể kinh doanh nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá khác.

Chức năng kinh doanh có ảnh hưởng đến giấy phép kinh doanh, mà muốn thay đổi giấy phép kinh doanh phải sửa nội dung này trong Điều lệ.

Do đó Ban Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét và cho ý kiến./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban TGD Cty;
- Trưởng BKS Cty;
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Quý



Cụ thể như sau:

STT	Điều lệ Công ty đang thực hiện	Ý kiến thống nhất của HĐQT
1	Sửa đổi chi tiết	
	Điều 4 ( khoản 2): ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:	Điều 4 ( khoản 2): ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:
	Sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ ở các đô thị trong toàn tỉnh	Sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ
	Kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp thoát nước	Kinh doanh vật tư tổng hợp





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 359 /TTr-CTN

Trà Vinh, ngày 20 tháng 7 năm 2022

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc xin điều chuyển nhân sự**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp Thoát nước Trà Vinh.

Căn cứ Biên bản cuộc họp số 56/BB-CTN ngày 19/7/2022 của Ban Tổng Giám đốc Công ty về việc điều chuyển nhân sự;

Hiện nay Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật công việc nhiều, đồng thời làm công tác tham mưu còn yếu. Nhằm để Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật hoàn thành công việc và làm công tác tham mưu được tốt hơn, Ban Tổng Giám đốc bàn bạc và thống nhất việc điều chuyển ông Nguyễn Hiền Phúc – Phó Giám đốc Chi nhánh Cấp nước Cầu Ngang – Duyên Hải – Trà Cú về nhận nhiệm vụ Phó phòng Kế hoạch – Kỹ thuật kể từ ngày 01/8/2022. Chi nhánh Cấp nước Cầu Ngang – Duyên Hải – Trà Cú do ông Trương Hoàng Diệp phụ trách, trực tiếp quản lý điều hành thông qua các trạm trưởng.

Tổng Giám đốc kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét và cho ý kiến./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban TGD;
- Trưởng BKS (g/s);
- Lưu: VT.



**Nguyễn Văn Quý**



Số: 370/TTr-CTN

Trà Vinh, ngày 22 tháng 7 năm 2022

### TỜ TRÌNH

#### Về việc kiến nghị ký hợp đồng lao động với ông Vũ Trọng Thanh

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Theo nhu cầu cần bố trí lao động phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Theo tinh thần Chủ Tịch HĐQT đã gợi ý với ông Vũ Trọng Thanh về việc làm tư vấn cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc nhận thấy việc ký hợp đồng lao động với ông Vũ Trọng Thanh với chức danh là Chuyên viên tư vấn giúp Công ty lập hồ sơ về chiến lược phát triển doanh nghiệp ngành nước là hợp lý.

Nếu được thống nhất ký hợp đồng với ông Vũ Trọng Thanh thì công việc cụ thể như sau:

- Tư vấn viết về chiến lược phát triển Công ty trung và dài hạn phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội chung theo quy định của Chính phủ về cấp nước an toàn và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Tham gia các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc để tư vấn về các chương trình và kế hoạch cụ thể, thường xuyên của Công ty nhằm thực hiện chiến lược nói trên.

Tiền lương của ông Vũ Trọng Thanh, bao gồm: Khoản 10.000.000 đồng/tháng (mười triệu đồng). Số tiền trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng lao động và tất cả các loại thuế, phí liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật (như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, thuế thu nhập cá nhân,...).

Thời gian thực hiện hợp đồng lao động: Xác định thời hạn 06 tháng. Từ ngày 01/8/2022 đến hết ngày 31/01/2023.

Ban Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét và cho ý kiến./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Ban TGD Cty;
- Trưởng BKS Cty;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Văn Quý**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**ĐƠN XIN NGHỈ TRƯỚC TUỔI VỀ HƯU**  
**THEO CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI CỦA CÔNG TY**

Kính gửi:

- Hội đồng Quản trị;
  - Ban Tổng Giám đốc;
  - Phòng Hành chính – Tổ chức
- Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Tôi tên: Mạc Tấn Lâm Sinh ngày: 29/08/1964.

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Cấp nước thành phố Trà Vinh, trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Sau khi đọc kỹ Quy chế về chính sách ưu đãi đối với người lao động xin nghỉ hưu trước tuổi, ban hành kèm theo Quyết định số 106/QĐ-HĐQT ngày 15/11/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Tôi nhận thấy mình thuộc đối tượng theo chính sách ưu đãi của Công ty, vì vậy tôi làm đơn này xin nghỉ trước tuổi về hưu với những nội dung như sau:

1/. Lý do: năm 2022 tôi có đưa con theo học đại học, kinh phí học cho cháu rất nhiều mà thu nhập hàng tháng của tôi không đủ để trang trải cho việc học của cháu.

2/. Độ tuổi của tôi phù hợp với Quy chế đã ban hành, vì vậy tôi làm đơn này xin nghỉ trước tuổi về hưu, kính mong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét giải quyết;

3/. Thời điểm tôi xin nghỉ bắt đầu từ ngày 01/12/2022.

Trong thời gian chờ đợi sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, phòng Hành chính – Tổ chức Công ty, tôi sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cho đến thời điểm xin nghỉ.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Trà Vinh, ngày 07 tháng 7 năm 2022

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

  
**Mạc Tấn Lâm**



**ĐƠN XIN NGHỈ TRƯỚC TUỔI VỀ HƯU  
THEO CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI CỦA CÔNG TY**

Kính gửi:

- Hội đồng Quản trị;
  - Ban Tổng Giám đốc;
  - Phòng Hành chính – Tổ chức
- Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Tôi tên: Trần Hoàng Long      Sinh ngày: 21/04/1964.

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Cấp nước Châu Thành, trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Sau khi đọc kỹ Quy chế về chính sách ưu đãi đối với người lao động xin nghỉ hưu trước tuổi, ban hành kèm theo Quyết định số 106/QĐ-HĐQT ngày 15/11/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Tôi nhận thấy mình thuộc đối tượng theo chính sách ưu đãi của Công ty, vì vậy tôi làm đơn này xin nghỉ trước tuổi về hưu với những nội dung như sau:

1/. Lý do: tuổi đã lớn nên sức khỏe giảm sút theo thời gian, ảnh hưởng đến việc di chuyển từ nhà đến nơi làm việc và ngược lại, ngoài ra tôi có tiền sử bệnh lao phổi đã chữa khỏi năm 2012 nhưng cũng để lại di chứng nặng nề là phổi bị tổn thương nhiều, và bệnh cao huyết áp phải uống thuốc hàng ngày;

2/. Độ tuổi của tôi phù hợp với Quy chế đã ban hành, vì vậy tôi làm đơn này xin nghỉ trước tuổi về hưu, kính mong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét giải quyết;

3/. Thời điểm tôi xin nghỉ bắt đầu từ 01/01/2023.

Trong thời gian chờ đợi sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, phòng Hành chính – Tổ chức Công ty, tôi sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cho đến khi có quyết định chấp thuận.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Trà Vinh, ngày 07 tháng 07 năm 2022

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**



**Trần Hoàng Long**



Số: 316/BC-CTN

Trà Vinh, ngày 26 tháng 7 năm 2022

## BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC NHÂN SỰ

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh.

Theo nhu cầu cần bố trí lao động phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Xét thấy cần bố trí lại nhân sự như sau:

1. Theo đơn xin nghỉ trước tuổi về hưu của Ông Trần Hoàng Long nếu được HĐQT chấp thuận thì Vị trí Giám đốc Chi nhánh cấp nước Châu Thành Ông Trần Hoàng Long. Điều động Ông Trần Văn Nghị thay thế vị trí Ông Trần Hoàng Long giữ chức vụ: Giám đốc Chi nhánh cấp nước Châu. Còn lại Ông Nguyễn Quốc Thắng làm Phó Giám đốc điều hành Chi nhánh Xây lắp - Dịch vụ đến khi có Quyết định bổ nhiệm.

2. Theo đơn xin nghỉ trước tuổi về hưu của Ông Mạc Tấn Lâm nếu được HĐQT chấp thuận thì Vị trí Giám đốc Chi nhánh cấp nước Thành phố Trà Vinh thay thế Ông Mạc Tấn Lâm. Trước mắt Ông Mạc Tấn Lâm thôi điều hành và bàn giao những công việc còn tồn tại cho ông Nguyễn Văn Đại điều hành Chi nhánh cấp nước Thành phố Trà Vinh và chịu trách nhiệm đến khi có quyết định bổ nhiệm giám đốc chi nhánh mới.

3. Ông Nguyễn Văn Sơn.

Trước đây Ông Nguyễn Văn Sơn là thư ký Tiểu ban Chính sách phát triển, nay tiểu ban đã giải thể thì điều chuyển Ông Nguyễn Văn Sơn qua bộ phận khác và Ông Nguyễn Văn Sơn có hai vị trí:

- Một là, Phó phòng Tổ chức – Hành chính;
- Hai là, ông Nguyễn Văn Sơn làm Giám đốc Chi nhánh cấp nước Thành phố Trà Vinh thay Ông Mạc Tấn Lâm, Ông Lâm về làm trợ lý Ban Tổng Giám Đốc.

4. HĐQT xem xét thời gian sáp nhập trạm cấp nước Trà Cú vào Chi nhánh cấp nước Châu Thành theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Tất cả điều động và sáp nhập trên đề nghị HĐQT giao cho Ban Tổng Giám đốc chọn thời gian thích hợp để thực hiện.

Ban Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị Công ty xem xét cho ý kiến./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Ban TGD Cty;
- Trường BKS Cty;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Quý



Số: 380 /TTr-CTN

Trà Vinh, ngày 27 tháng 7 năm 2022

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc bổ nhiệm chức danh quản lý**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Quy chế quy hoạch, bổ nhiệm, điều động đối với người quản lý, người lao động thuộc Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh;

Căn cứ khoản a điều 1 Nghị quyết số 19 /NQ-HĐQT ngày 24/5/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh về việc thống nhất chủ trương việc bổ nhiệm ông Lê Thành Nam giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật trực thuộc Công ty.

Theo Biên bản số 50/BB – CTN ngày 30/6/2022, Biên bản họp Ban điều hành về việc xem xét bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật; Biên bản họp ngày 01/7/2022 lấy ý kiến Phòng KHKT về việc bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng KHKT đối với ông Lê Thành Nam và Biên bản số 53/BB – CTN ngày 04/7/2022, Biên bản họp lấy ý kiến của Trưởng, Phó phòng và tương đương về việc bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật đối với ông Lê Thành Nam.

Căn cứ vào biên bản kiểm phiếu của Chi bộ 1 và biên bản kiểm phiếu của Đảng ủy ngày 08/7/2022 về việc lấy ý kiến bầu chức danh Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật.

Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét thông qua việc bổ nhiệm ông Lê Thành Nam với chức danh Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Ban TGD Cty;
- Trưởng BKS Cty;
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Quý